

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG LA  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2022/HS-ST  
Ngày 16-9-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LA, TỈNH SƠN LA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Quàng Văn Mãng.

Bà Nguyễn Thị Hương.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Quàng Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Muờng La, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng La tham gia phiên toà:** Ông Hà Văn Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

**QVX**, sinh ngày 01/01/1974, tại MC, Muờng La, Sơn La; Nơi ĐKHKTT: Bản HB, xã MC, huyện Muờng La, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 0/12; dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông QVM và bà QTB, đều đã chết; Có vợ là QTL, sinh năm 1975, có 05 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 15/8/2022; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

**LVS**, sinh ngày 01/01/1988, tại MC, Muờng La, Sơn La; Nơi ĐKHKTT: Bản HB, xã MC, huyện Muờng La, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: La Ha; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông LVK đã chết và bà QTĐ, sinh 1964; Có vợ là LTT, sinh năm 1989, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010; Là Đảng viên đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng; Tiền án: Không, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh từ ngày 15/8/2022; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

- Người bào chữa cho bị cáo QVX:

Ông Đặng Văn Quảng – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người bị hại: Ông QVC, sinh năm 1968, địa chỉ: Bản HB, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **QVX và LVS** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 18/6/2022 LVS, sinh ngày 01/01/1988 và QVX, sinh ngày 01/01/1974 ở bản HB, xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La cùng nhau đi tìm bò, đến chiều hai người đi về dừng nghỉ gần khu vực chăn thả gia súc HB, xã MC, trong khi nghỉ nhìn thấy có đàn dê không có người trông coi, QVX rủ LVS bắt dê mổ thịt mang về ăn. Hai người đồng ý đuổi theo bắt được hai con dê, sau khi bắt được bóp chết, mỗi người vác một con đến khu vực vắng người nhóm lửa, dùng dao mổ thui lấy thịt, chia đôi mỗi người một nửa, cho vào túi dứa mang về. Khi về đến gần nhà thì QVC nhìn thấy biết hành vi trộm cắp bị phát hiện sáng ngày 19/6/2022 hai người đến Công an đầu thú.

Người bị hại ông QVC có đơn trình báo Công an về việc tài sản bị trộm là 01 con dê đực lông màu trắng nặng 15kg và 01 con dê đực lông đen nặng 20kg.

Thu giữ vật chứng gồm:

09 kg thịt, xương, bộ phận khác; 01 túi tự chế, bằng bao tải dứa trắng, chiều dài 65cm, chiều rộng 50cm, mặt trước và mặt sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do LVS giao nộp;

06 kg thịt, xương, bộ phận khác; 01 túi tự chế, bằng bao tải dứa trắng, chiều dài 70cm, chiều rộng 50cm, mặt trước có chữ TC-703 và mặt sau có chữ Công ty TNHH sản xuất và TM Tân Châu. Phía trước và sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do QVX giao nộp.

Vật chứng không thu giữ được, do sau đó các bị cáo vớt trên rừng, đã truy tìm không thấy.

Ngày 22/6/2022 Hội đồng định giá 01 con dê đực lông màu trắng nặng 15kg có giá trị là 1.950.000, đồng; 01 con dê đực lông đen nặng 20kg có giá trị là 2.600.000, đồng. Tổng cộng 02 con dê có trị giá 4.550.000, đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo QVX và LVS đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Bản cáo trạng số: 54/CT-VKS-ML ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo: QVX và LVS về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo QVX và LVS phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo QVX từ 10 đến 12 tháng tù.

Xử phạt bị cáo LVS từ 08 đến 10 tháng tù.

Đề nghị cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo.

Không phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, Điều 585 và khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc các bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 6.500.000, đồng và người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với vật chứng là tài sản gồm: 09 kg thịt, xương, bộ phận khác do LVS giao nộp và 06 kg thịt, xương, bộ phận khác do QVX giao nộp. Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị hại, cần chấp nhận.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm:

01 túi tự chế, bằng bao tải dừa trắng, chiều dài 65cm, chiều rộng 50cm, mặt trước và mặt sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do LVS giao nộp;

01 túi tự chế, bằng bao tải dừa trắng, chiều dài 70cm, chiều rộng 50cm, mặt trước có chữ TC-703 và mặt sau có chữ Công ty TNHH sản xuất và TM Tân Châu. Phía trước và sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do QVX giao nộp.

Về án phí: điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố. Các bị cáo, người bào chữa, bị hại nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người bào chữa phát biểu lời bào chữa đưa ra tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo QVX và LVS thừa nhận: Ngày 18/6/2022 đã cùng nhau lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là 01 con dê đực lông màu trắng nặng 15kg có giá trị là 1.950.000, đồng; 01 con dê đực lông đen nặng 20kg có giá trị là 2.600.000, đồng. Tổng cộng 02 con dê có trị giá 4.550.000, đồng của ông QVC ở bản HB, xã MC, huyện Mường La.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập: Lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; đơn trình báo của bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của QVX và LVS đã cùng nhau lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản có giá trị là 4.550.000, đồng của các bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội do đó các bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3]. Xét về vai trò đồng phạm: Bị cáo QVX với vai trò chủ mưu, đã chủ động rủ rê bị cáo LVS. Bị cáo LVS giữ vai trò đồng phạm tích cực. Căn cứ Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự để xem xét lên mức hình phạt cho các bị cáo.

[4]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b “tích cực bồi thường khắc phục hậu quả”, điểm i “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, điểm s

“Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Sau khi phạm tội đã chủ động đầu thú và giao nộp vật chứng. Gia đình các bị cáo và chính quyền địa phương có đơn bảo lãnh, người bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ công dân; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng;

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ các căn cứ trên xét thấy bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định của khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt Bổ sung - Phạt tiền: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo do các bị cáo không có tài sản.

[6]. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Trách nhiệm bồi thường: Chấp nhận việc các bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 6.500.000, đồng và người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với vật chứng là tài sản gồm: 09 kg thịt, xương, bộ phận khác do LVS giao nộp và 06 kg thịt, xương, bộ phận khác do QVX giao nộp. Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị hại, cần chấp nhận.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng được xác định là công cụ phạm tội không có giá trị gồm:

01 túi tự chế, bằng bao tải dứa trắng, chiều dài 65cm, chiều rộng 50cm, mặt trước và mặt sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do LVS giao nộp;

01 túi tự chế, bằng bao tải dứa trắng, chiều dài 70cm, chiều rộng 50cm, mặt trước có chữ TC-703 và mặt sau có chữ Công ty TNHH sản xuất và TM Tân Châu. Phía trước và sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do QVX giao nộp.

Các bị cáo thuộc hộ nghèo, do đó cần miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo QVX và LVS phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo QVX 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 16/9/2022.

Xử phạt bị cáo LVS 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 16/9/2022.

Giao bị cáo QVX và LVS cho Ủy ban nhân dân xã MC, huyện Mường La, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình QVX và LVS có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục QVX và LVS.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Điều 87 của Luật thi hành án hình sự 2019, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Trách nhiệm bồi thường: Chấp nhận việc các bị cáo đã bồi thường cho bị hại ông QVC số tiền là 6.500.000, đồng và người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với vật chứng là tài sản gồm: Chấp nhận Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị hại ông QVC 09 kg thịt, xương, bộ phận khác do LVS giao nộp và 06 kg thịt, xương, bộ phận khác do QVX giao nộp.

Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm:

01 túi tự chế, bằng bao tải dừa trắng, chiều dài 65cm, chiều rộng 50cm, mặt trước và mặt sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do LVS giao nộp;

01 túi tự chế, bằng bao tải dừa trắng, chiều dài 70cm, chiều rộng 50cm, mặt trước có chữ TC-703 và mặt sau có chữ Công ty TNHH sản xuất và TM Tân Châu. Phía trước và sau đều có chữ và các ký hiệu khác nhau, do QVX giao nộp.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. Về án phí: điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/9/2022.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Công an huyện Mường La;
- THAHS;
- Chi cục THA dân sự huyện Mường La;
- Các bị cáo (2);
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Nguyễn Minh Tuấn**